QUAN ĐIỂM SỬ HỌC CỦA NGUYỄN VĂN TỐ QUA CÁC BÀI VIẾT TRÊN TẠP CHÍ *TRI TÂN*

ĐINH THỊ THÙY HIÊN*

Nguyễn Văn Tố sinh năm 1889 tại Đông Thành, tổng Tiền Túc, huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội (nay thuộc phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội). Ông theo học trường Thông ngôn, nhận bằng Thành Chung năm 1905. Mùa thu năm 1905, mới chỉ 16 tuổi, ông đã được Quyền Giám đốc Viện Viễn Đông Bác cổ là Alfred Foucher tuyển chọn làm Phán sự tạm tuyển (secrétaire temporaire). Cuối năm này, ông đỗ đầu kỳ thi ngạch Phán sự-Thông dịch (secrétaire interprète) của Tòa Thống sứ Bắc Kỳ, và chính thức làm việc tại EFEO từ giữa năm 1906. Kể từ đó cho đến Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong gần 4 thập kỷ, ông gắn bó với EFEO, được mệnh danh là "Thổ thần" (Génie du lieu) của EFEO (1).

Nguyễn Văn Tố được ghi nhận có đóng góp cho nhiều lĩnh vực học thuật Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, với tư cách nhà khảo cổ học, nhà dân tộc học, nhà sử học, nhà thư tịch học, nhà nghiên cứu văn học, nhà báo (2). Thậm chí, ở một số lĩnh vực, Nguyễn Văn Tố được nêu tên trong số những gương mặt xuất sắc nhất. Trong làng báo Việt Nam cận đại, danh tiếng của ông được xếp vào loại tứ danh kiệt "Quỳnh, Vĩnh, Tố, Tốn" (Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Tố, Phạm Duy Tốn) (3). Về văn học, "chỉ những người cỡ cụ Tố mới có khả năng phê bình Trương Vĩnh Ký về Nho học, văn học cổ Việt Nam (chữ Nho, chữ Nôm, Quốc ngữ) về mặt chú thích hiệu đính, về ngôn ngữ học Bây giờ chúng ta có làm, mỗi người có thể chỉ làm được một mặt, và có lẽ không hơn gì cụ Tố" (4).

Bài viết tập trung vào quan điểm sử học được Nguyễn Văn Tố thể hiện trên Tạp chí *Tri Tân,* từ đó góp phần tìm hiểu và lý giải di sản sử học của ông, cũng như định vị Nguyễn Văn Tố trong lịch sử sử học Việt Nam. Từ trường hợp Nguyễn Văn Tố, người viết cũng mong muốn góp thêm hiểu biết về sử học Việt Nam thời kỳ này dưới tác động của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông - Tây trong bối cảnh của một xã hội thuộc địa hồi đầu thế kỷ XX.

1. Sử học Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX

Nửa cuối thế kỷ XIX, đặc biệt là từ năm 1897, xã hội Việt Nam đã có những đổi thay to lớn và sâu sắc trên mọi phương diện, bao gồm cả văn hóa giáo dục, tư tưởng (5). Nền sử học Việt Nam cũng bước vào một giai đoạn mới mang tính giao thời, với sự tồn tại của nhiều khuynh hướng sử học.

Sử học phong kiến vẫn là một dòng chảy chính với các bộ sử về vương triều Nguyễn

*TS. Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

được Quốc sử quán triều Nguyễn tiếp tục soạn và in ấn, bên cạnh đó là một số cuốn lịch sử dân tộc bằng chữ Hán của các nhà Nho; rồi ít dần và không còn là dòng sử chủ yếu trong nửa đầu thế kỷ XX (6). Bắt đầu xuất hiện những tác phẩm lịch sử Việt Nam bằng tiếng Pháp, chữ Quốc ngữ của các học giả nước ngoài, và người Việt Nam; một số tác phẩm sử học chịu ảnh hưởng của tư tưởng sử học tư sản, tư tưởng sử học Mác xít cũng ra đời hồi cuối thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX.

Trong số những nhân vật đầu tiên đem lại sự cách tân cho sử học lúc bấy giờ phải kể tới Trương Vĩnh Ký với tác phẩm *Cours d'histoire annamite* (1876) (7). Một nhân vật được biết đến rộng rãi là Trần Trọng Kim với tác phẩm *Việt Nam sử lược* xuất bản năm 1920. Đây là công trình lịch sử Việt Nam bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên (8), soạn theo phương pháp Tây phương đầu tiên (9), lần "đầu tiên đem những phương pháp tìm kiếm khoa học vào việc nghiên cứu những sử liệu bằng chữ Nho và đã cống hiến cho chúng ta những tác phẩm lớn" (10), "một công trình đầu tiên, mới mẻ mà hoàn bị về sử ký nước nhà bằng quốc văn" (11). Phan Bội Châu - nhân vật lịch sử tiêu biểu cho khuynh hướng bạo động trong phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX cũng là người "viết nhiều nhất về đề tài lịch sử" so với tất cả các sĩ phu tiến bộ yêu nước đương thời, những tác phẩm ông viết đã phát huy một cách mạnh mẽ chức năng giáo dục, cổ động, khơi gợi, giục giã nhiều cá nhân và thế hệ Việt Nam dấn thân vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, góp phần đáng kể đưa sử học vào quỹ đạo của một khoa học, bởi vì "đã tiếp cận với quy luật tiến hoá của lịch sử và đã vận dụng quy luật đó để nghiên cứu lịch sử dân tộc" (12). Hai tác phẩm *Việt Nam vong quốc sử* (1905) và *Việt Nam quốc sử khảo* (1909) được đánh giá là tiêu biểu cho khuynh hướng sử học mới ở Việt Nam - khuynh hướng dân chủ tư sản.

Như vậy, nền sử học Việt Nam từ sau khi thực dân Pháp xâm lược cho đến thời điểm Nguyễn Văn Tố xuất hiện trên *Tạp chí Tri Tân* (năm 1941) đã có những bước chuyển hết sức đáng lưu ý. Từ những tác phẩm lịch sử chữ Hán, Nôm, đã xuất hiện các công trình lịch sử chữ Pháp, chữ Quốc ngữ. Từ địa hạt của sử biên niên, đã hình thành những công trình nghiên cứu. Trong xã hội, những năm đầu thập niên thứ 4 của thế kỷ trước cũng được ghi nhận xuất hiện một "phong trào sử học" (13). Sự "về nguồn" hiện diện rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, dưới nhiều khía cạnh này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, cả trong và ngoài nền sử học, mà trong số đó không thể bỏ qua các hoạt động chính trị - xã hội nằm trong phong trào giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa. Tuy nhiên, một động lực quan trọng chính là sự vận động nội tại của nền sử học Việt Nam lúc bấy giờ trong một bối cảnh lịch sử mới.

Trưởng thành trong môi trường đó, trí thức Tây học thế hệ Nguyễn Văn Tố có một sự tự nhận thức rất rõ ràng về sử học. Họ thấy cần phải nhìn lại sử học phong kiến/cũ: "nên biết đến quan niệm về sử học của ta xưa như thế nào, phương pháp chép sử của ta xưa, chỗ nào là được, chỗ nào là hỏng" (14). Nền sử học cũ lúc này đã bộc lộ những điểm hạn chế lớn: "Quá tôn kính Xuân thu và quá mô phỏng lối chép của bộ sử *Thông giám cương mục* của Tàu", "quá sơ lược ở chỗ quan trọng của toàn thể quốc dân, nhưng lại quá kỹ ở chỗ cá thể của vua chúa", "ứng dụng cái thói trại tên tức là kiêng húy, trong các sách vở thuộc loại sử ký còn cái thói hay xen lẫn những

chuyện mê tín, những việc hoang đường (15), chính sử thì "hầu hết là chép theo lối biên niên nên các việc xảy ra không có liên lạc gì với nhau; người xem sử như lạc vào một khu rừng không biết lối nào mà tìm được đúng con đường mình muốn theo: trước mặt những cây to bụi rậm cứ chắn ngang hoài" (16). Nhìn sang Trung Hoa, nơi từng có ảnh hưởng đậm nét tới sử học nước nhà ở đủ mọi khía cạnh tư tưởng sử học, tác gia sử học và tác phẩm sử học, "từ khi Trung Hoa Dân quốc thành lập (1912), sử giới Tàu chịu ảnh hưởng của tân học, cũng đã cải cách tệ cũ đi nhiều, nên gần đây chúng ta đã thấy ít nhiều tác phẩm về loại sử ký do mấy nhà văn hiện đại Trung Hoa viết ra đã có phương pháp khoa học" (17). Nhìn rộng sang phương Tây, "Lamprecht, nhà sử học Đức, chủ trương rằng cái nguyên động lực của tiến trình lịch sử là ở toàn thể xã hội, chứ không phải ở thiểu số anh hùng". Từ đó, họ kêu gọi "ta đừng ôm cái quan niệm cũ về sử học mà cho rằng cuộc tiến hóa của một dân tộc là cầm nắm ở trong tay một số ít người, một vài vĩ nhân" (18).

Phải thay đổi là một điều không cần bàn cãi. Nhưng "cách tân" ra sao để đưa sử học thực sự "bước vào giai đoạn trưởng thành" (trở thành một khoa học thực sự) lại không dễ dàng đạt được sự nhất trí. Theo ghi nhận của Hoa Bằng trong các buổi trao đổi sử học với nhóm "Buổi mới" thì có hai luồng ý kiến "Một đằng: muốn biên soạn ngay loại sử ký có tính cách phổ thông để mong cho món sử học có thể phổ cập ngay đến đại chúng. Một đằng trái lại, bàn rằng, trước khi muốn soạn sách phổ thông về món sử học, nay hãy nên khảo cứu từng thời kỳ một, từng triều đại một, đợi khi tài liệu đầy đủ, bấy giờ mới nói đến chuyện viết sử "phổ thông được".

Nhóm *Tri Tân* đã lựa chọn cách thứ hai. Nhiều lần Hoa Bằng tuyên bố rõ quan điểm này. Năm 1942, ông viết: "công việc của chúng ta ngày nay là nhặt lượm sử liệu, lựa chọn sử liệu, phê phán sử liệu và khôi phục sự thực ta lại nên làm dần đến việc giới thiệu những quan niệm về sử học và phương pháp chép sử ngoại quốc ra sao. Sau khi đã có đủ tài liệu, đã biết rõ cái hay, cái dở của mình và cái cũ cái mới của người rồi, bấy giờ mới có thể bàn đến chuyện viết sử được" (19). Ông mượn lời của James Harvey Robinson đã được dịch đăng trên Tạp chí *Nam Phong* từ năm 1928: "Chỉ cần cải lương cái phương pháp nghiên cứu, sưu tập, phê bình và dung hóa những tư liệu mới, thì khoa lịch sử chắc có thể tiến bộ được..." (20). Năm 1944, ông tiếp tục nhắc lại: "để đi đến một bộ Việt sử hoàn toàn bây giờ cần phải chia nhau khảo cứu từng thời đại một", và "hơn lúc nào hết, bây giờ chính là lúc cần phải nhặt lượm tài liệu để cung vào kho sử học Việt Nam hầu cho có những gỗ tốt, gạch già, góp vào công cuộc kiến thiết mai sau mà bọn thợ tương lai chính là những người sẽ phải gánh lấy công trình xây dựng ấy" (21). Điều này lý giải cho tôn chỉ, mục đích, cũng như 4 mặt khảo cứu lịch sử đều liên quan đến tài liệu lịch sử của tạp chí được đăng trên *Tri tân* số 1 (3 -6-1941): "1. Tìm tòi trong đống sách của Đông, Tây, lượm lặt những sử liệu dính đến Việt Nam; 2. Phê phán các sử liệu trong sách cũ, vạch rõ những cái giả hiệu hay sai lầm trong các sách mới xuất bản thuộc loại sử ký; 3. Đến hỏi tận nơi các bậc cố lão, những chuyện mắt thấy tai nghe ở lớp các cụ rồi ghi chép làm sử liệu sống; 4. Đến thăm tận nơi những vết cũ dấu tàn có dính líu đến lịch sử".

Quan niệm về vai trò của tài liệu lịch sử cũng như tầm quan trọng của công việc sưu

tầm, hệ thống và tính xác thực của các nguồn sử liệu cũng được tờ *Thanh Nghị* và Đặng Thai Mai (bút danh Thanh Tuyền) chia sẻ: "Đ.T.M [Đặng Thai Mai] nghĩ báo T.N [Thanh Nghị] chỉ mới cố gắng làm một việc chuẩn bị rất "modeste" là việc sưu tầm tài liệu, mà cũng không phải dám cáng đáng tất cả việc ấy, chỉ là lên tiếng kêu gọi tất cả mọi người quan tâm về sử học, cùng bắt tay vào làm" (22).

Đây là kết quả và là biểu hiện cụ thể của một sự biến chuyển về mặt tư tưởng sử học dưới tác động của *Sử học thực chứng* từ phương Tây vào qua sách báo trực tiếp từ Pháp tới hoặc gián tiếp từ Trung Quốc sang dưới dạng Hán văn, và đặc biệt là sự hiện diện của Viện Viễn Đông Bác cổ cùng với hoạt động của họ ở Việt Nam. Cuối năm 1930, khi Đào Duy Anh chuyên tâm vào việc nghiên cứu sử học, thì "phương pháp nghiên cứu của nhà sử học Seignobos là phương pháp được thịnh hành trong nhiều nước ở châu Âu mà tôi nghe nói rằng ở Liên Xô bấy giờ người ta cũng xem là một tài liệu tham khảo có giá trị về mặt giám định tư liệu sử học", "Giới sử học ở phương Tây nói chung, kể cả giới sử học nước Nga cũ, cho đến cả giới sử học của Trung Quốc cũ, đều đánh giá cao phương pháp do Seignobos trình bày" (23).

Langlois và Seignobos là những đại diện tiêu biểu của khuynh hướng *Sử học thực chứng*", với câu nói nổi tiếng "*Lịch sử được tạo ra từ các tài liệu*". Nền tảng để tái tạo lịch sử đó là tài liệu vì vậy "*tìm tòi, tập hợp tài liệu là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của nhà sử học*". Những tài liệu ấy cần phải được kiểm nghiệm qua hai bước của công tác phê phán sử liệu: Bước một, phê phán bên ngoài sử liệu tức kỹ thuật đi tìm bản gốc. Môn cổ văn tự học cho phép nhận biết tính chân thực của tài liệu. Bước hai, phê phán bên trong sử liệu hay là chú thích học, thực chất là nghiên cứu ngôn ngữ xác định ý nghĩa của từ hay câu (24). Cũng chính từ cuối thế kỷ XIX, sử liệu học (khoa học về nguồn sử liệu) đã ra đời với hai bước *phê phán bên ngoài* (critique exteme) mà C.Langlois và C.Seignobos gọi phê phán bên ngoài là phê phán uyên bác (critique d'érudition) và phê phán bên trong (25).

Cá nhân Đào Duy Anh đã lựa chọn phương pháp sử học của các nhà thực chứng: "Về phương pháp sử học thì tôi nhận thấy rằng trước hết phải học theo phương pháp nghiên cứu của nhà sử học Seignobos". Cách học là theo sách vở cũng như từ chính các đại diện của tư tưởng thực chứng tại Việt Nam lúc bấy giờ: các nhà nghiên cứu tại EFEO: "Tôi mua được giáo trình của Seignobos theo bản dịch Hán văn đề là *Sử học khái luận* và học nó kết hợp với việc đọc sách và tập san của Viện Viễn Đông Bác cổ ở Hà Nội"; "Tôi nghĩ rằng để có thể chỉnh lý tài liệu lịch sử bằng văn tự của ta, tôi hãy cứ học tập phương pháp của các nhà bác học người Pháp thuộc Viện Viễn Đông Bác cổ ở Hà Nội H.Maspéro, E,Gaspardonne" (26).

Nhóm các học giả xung quanh Tạp chí *Tri Tân* sau này đã có sự chia sẻ quan điểm này của Đào Duy Anh từ cuối thập niên 30 của thế kỷ XX. Trong hồi ký của mình, Đào Duy Anh cho biết cuối năm 1938 đã đi Hà Nội gặp Nguyễn Văn Tố cùng mấy anh em ở nhóm Tri Tân (xung quanh Tạp chí *Tri Tân*) bàn thành lập một nhóm nghiên cứu lịch sử với sự xuất bản một tùng thư sử học để làm nơi thảo luận các vấn đề lịch sử, sau khi đã thảo luận một vấn đề nào, thì phân công cho người viết để xuất bản. Tùng thư sử học đó do Đào Duy Anh đứng ra tổ chức việc xuất bản, Nguyễn Văn Tố nhận làm

chủ biên, lấy phương pháp luận sử học thực chứng làm cơ sở lý luận: "Về mặt phương pháp thì chúng tôi cho rằng hãy cứ cố gắng làm theo phương pháp sử học của Seignobos cũng có thể gọi là đảm bảo tính chất khách quan của khoa học" (27). Tiếc rằng công việc của các ông đã phải đình chỉ vì lý do khách quan: "chúng tôi đương sửa soạn tổ chức những buổi thảo luận về các bản thảo đã xong ở Huế và ở Hà Nội thì bỗng nảy ra cuộc đại chiến thế giới lần thứ hai, mấy nhà in đều viết thư từ chối vì trong thời kỳ chiến tranh sự phân phối giấy in bị hạn chế nhiều công việc chúng tôi định xây dựng cùng nhau đành phải đình chỉ để cho mỗi người lại trở về với công việc riêng của mình" (28). Mặc dù vậy, sự kiện này giúp sáng tỏ quan điểm sử học cũng như cách thức "làm sử của" Tạp chí *Tri Tân* và các cây bút chủ chốt của Tạp chí sau này.

Còn trong học giới lúc bấy giờ, ý kiến của Vũ Ngọc Phan đưa ra năm 1939 đã cho thấy rõ hơn về sự thịnh hành của tinh thần thực chứng trong sử học với hai bước phê phán bên trong và bên ngoài nguồn sử liệu. Ông viết: để gần được sự thật, người chép sử cần phải có một phương pháp nhất định, gồm 2 công việc: tra xét các tài liệu "các nguồn của những việc mình được viết" và diễn giải ra từng việc cho rõ ràng và nghị luận về mối liên hệ giữa các việc. Sự xem xét tài liệu "chia ra hai cách: xem xét phần ngoài và xem xét phần trong. Về phần ngoài, trước hết phải xét xem có được xác thực và có được hoàn bị không Còn phần trong, phải xét về giá trị những tài liệu đã thu thập được. Phải tự hỏi: Những bằng chứng ấy có thể tin được không? Tác giả có viết sai sự thực không? Tác giả đã theo những cách gì để biên chép?" (29).

Nói tóm lại, trong điều kiện tiếp xúc văn minh phương Tây ở một nước thuộc địa (ảnh hưởng trực tiếp từ Pháp thông qua các học giả Pháp, các trí thức người Việt được đào tạo trong hệ thống giáo dục của Pháp tại Việt Nam và chính quốc, đặc biệt EFEO; hoặc gián tiếp qua Trung Quốc), trong giới học thuật lúc bấy giờ đã có sự đánh giá nhìn nhận về sử học phong kiến, sử học Trung Hoa, sử học thế giới, và sử học Việt Nam đương đại, dẫn tới sự du nhập và phát triển của những tư tưởng sử học mới. Trong số đó, sử học thực chứng đã có ảnh hưởng lớn trong học giới Việt Nam lúc bấy giờ, với hiện diện tương đối phổ biến của các khái niệm "sử liệu", "phê phán sử liệu", "quan niệm sử học" và "phương pháp chép sử phương Tây" ở các diễn đàn ngôn luận và học thuật ở Việt Nam vài ba thập kỷ đầu thế kỷ XX. Một số học giả, bao gồm cả nhóm yếu nhân của Tri Tân tạp chí sau này đã đồng lòng xây dựng một kế hoạch để "dẫn đường" nền sử học Việt Nam đi vào quỹ đạo của khoa học lịch sử với tư tưởng thực chứng làm chủ đạo. Nguyễn Văn Tố là một trong số đó, và ông đã ra sức truyền bá tinh thần khoa học phương Tây, góp tay xây dựng nền móng cho những công trình sử học tổng hợp ở giai đoạn sau bằng các công bố trên Tạp chí *Tri Tân*.

2. Nguyễn Văn Tố với việc truyền bá tư tưởng sử học hiện đại trên Tạp chí *Tri Tân*

Như đã đề cập ở trên, Nguyễn Văn Tố có sự gặp gỡ với nhiều trí thức đương thời ở điểm cùng chịu ảnh hưởng của tư tưởng sử học thực chứng. Ở đây, chúng tôi không đi vào tìm hiểu nguồn gốc, mặc dù nguyên nhân Đào Duy Anh tìm đến ông có thể là một manh mối: "Nguyễn Văn Tố là một bực học giả trong nước ai cũng biết tiếng. Là người có tiếng là giỏi Pháp văn cùng một thế hệ với Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh, từ khi mới xuất thân, ông vẫn làm

việc ở Viện Viễn Đông Bác cổ ở Hà Nội... Ông Nguyễn Văn Tố là người có đầy đủ tư cách để làm chủ biên cho tùng thư sử học chúng tôi dự định " (30). Ông tham khảo rộng rãi các học giả từ nhiều lĩnh vực, thuộc nhiều quốc gia và châu lục, trong đó có đại diện của một số trường phái sử học như: sử học thực chứng (Ch. V. Langlois và CH. Seignobos, Gabriel Monod (31)), trường phái Lịch sử Văn hóa (Karl Lamprecht (32)), trường phái Sử học mới (James Harvey Robinson (33)), Ernest Lavisse (34), Charles Maybon (35), Tuy nhiên, dấu ấn thực chứng bao trùm lên trên, khi ông không hề dấu giếm ý định muốn làm một công trình lý luận sử học như của các nhà sử học thực chứng tiêu biểu nhất lúc đó: "Kể nói cho kỹ, thì phải làm hẳn một quyển sách về phép làm sử, như quyển của ông Ch. V. Langlois và CH. Seignobos (Introdution aux estudes historiques) hay một bài dài như bài ông G. Monod trong quyển *De la mesthode dans les sciences*" (36).

Nguyễn Văn Tố chia sẻ nỗi trăn trở chung của lớp học giả đương thời về thế nào là nghiên cứu sử học. Với con mắt nhà sử học "hiện đại", Nguyễn Văn Tố thấy rõ "sự khuyết điểm" của các sử gia phong kiến "có lẽ tại sử liệu" (37). Tuy nhiên, ông phủ nhận quan niệm cho rằng sử cũ không có phép tắc, mà nhiều lần ông nhấn mạnh "sử thần của ta chép theo lối khách quan" (38), hay "sử Nho chép cũng có phương pháp", "phương pháp làm sử của nhà Nho ngày xưa tưởng cũng có mẫu mực, khuôn phép và cũng có tinh thần khoa học. Bổn phận của nhà làm sử ngày nay là phải theo đấy mà bổ chính dần. Quyển *Tri Tân* ra đời cốt để làm trọn cái bổn phận ấy" (39). Ông kịch liệt phản đối những ý kiến cực đoan về nhược điểm của nền sử học cũ "vì nhà làm sử, nhất là các nhà làm sử ở Đông phương - thường căn cứ vào những sách đã chép sẵn của Quốc sử quán hơn là những tài liệu do chính mình tìm ra"... phần nhiều sử thần đời xưa cầm bút chép truyện rất là đứng đắn thận trọng" (40). Nhìn vào "nền sử học mới", Nguyễn Văn Tố nhận thấy sự tiến bộ trong việc chép sử nước ta từ ngày nước Pháp mới sang, từ *Notes his'qriques sur la nation annamite* của Le Grand de la Liraye on ở Sài Gòn khoảng năm 1868, *Cours d'histoire annamite* của Trương Vĩnh Ký cho tới các sách phổ thông viết bằng Pháp văn hay quốc văn, cũng như những tồn tại với "các sách có hại cho sử học vì sai nhầm nhiều quá" (41). Nền sử học mới hiện thời vẫn còn đang trong thời kỳ non trẻ: "Riêng về sách quốc văn, xét ra sử học và văn học còn đang ở thời ấu trĩ, tức là còn phải đi tìm kiếm tài liệu. Nếu không tìm kiếm cho cẩn thận, thì còn lâu mới tới được thời kỳ cường tráng, sử là thời kỳ thường sản xuất ra những sách soạn theo phép khoa học, tổng quát được những thời kỳ lớn trong lịch sử, và giúp ích cho cả công chúng lẫn người chuyên trị về khoa sử học" (42).

Việc làm sử, với ông là "cố khôi phục lấy sự thực, tìm tài liệu cho đủ, phê phán cho chính đáng, chứ không quyền gì đổi được sử này ra sử khác? Giá đổi được thì không phải là khách quan nữa, vì khách quan là thấy thế nào chép thế, chỉ khó là ở chỗ tìm sao cho đủ tài liệu, hiểu sao cho hết sự thực, rồi nghị luận cho xác đáng, việc dù hay dù dở, cứ thế mà chép, không nên vin vào thuyết này thuyết khác mà chép thiên cho một bên... đã là khoa học thì phải đủ chứng cớ rõ ràng, không khi nào lại đoán phỏng như thế được, và phương ngôn ta cũng có câu "học có sách, mách có chứng..." (43), "đã gọi là viết sử thì phải chép tất cả những tài liệu đích đáng, không nên thêm

bớt chữ nào, rồi có ý kiến gì thì chép phụ vào, chứ không có thể "lập luận" trước rồi mới chép sách sau; vả lại đã gọi là chép sử, là chép theo sự thực, thì còn có lý luận gì mà lập mà theo" (44).

Với người làm sử, theo ông, sử liệu là chìa khóa: nhà làm sử "không bàn đến những luận điệu ra ngoài sử liệu" (45). Trong các bài viết trên Tạp chí *Tri Tân* của ông, những thuật ngữ "sử liệu", "phê phán sử liệu" xuất hiện rất thường xuyên. Từ một số công bố, có thể bắt gặp nhiều dạng sử liệu khác nhau. Hiện vật khảo cổ (nguồn sử liệu vật thực) mà "người thích khảo cổ, thấy đâu đào được đồ cổ, nên chép rõ đào sâu bao nhiêu thước, lẫn với những vật gì", và "dù có vỡ ra từng mảnh, cũng nên thu thập lấy, vì những mảnh ấy có thể dùng làm sử liệu như văn thư" (46). Truyền ngôn ("Tục truyền") cũng là một thứ sử liệu "cần phải tìm kiếm gom góp, cũng như bia đá sách vở hoặc những dấu vết cũ" (47). Cũng có lúc, chúng ta thấy ông lưu tâm đến loại số liệu thống kê: "xưa nay chưa có ai mở cuộc điều tra như bên Âu Mỹ (xem quyển Frédéric Charpin nên chưa có biểu thống kê, thì làm sao mà biết là chỉ toàn mê tín?" (48). Tương tự, là tài liệu khảo sát điền dã: "Lịch sử một vùng nho nhỏ như thế, sưu tập khó hơn lịch sử cả nước, vì nỗi thiếu nhiều tài liệu, mà dù có biết chăng nữa, phần nhiều ở các tư gia, khó lòng mượn được địa bạ, văn tự nhà, văn tự đất, gia phả các họ lớn Những giấy tờ đó là thứ sử liệu rất quý giá cho nhà làm sử, nhưng có phải dễ mượn đâu" (49).

Mỗi khi đề cập đến các loại tài liệu, Nguyễn Văn Tố đều phân tích tình hình sử dụng chúng ở trong nước, dẫn dụ các trường hợp sử dụng trong sách phương Tây, kêu gọi sự cung cấp từ độc giả bốn phương. Khái niệm "sử liệu" về sau đã được Nguyễn Văn Tố tuyên bố một cách rõ ràng trong Lời giới thiệu sách *Chặt xiềng* (1946) chứa đựng được sự đa dạng các loại hình sử liệu ở thời điểm lúc bấy giờ, từ chữ viết, vật thực, khẩu truyền, đến hình ảnh: "Nhà làm sử thường gọi "sử liệu" là những di tích dùng để chép các việc đã qua trong một nước hay của một người, như lời chỉ thị, tờ biên bản, giấy truyền đơn, bài nhật báo, bức công văn, cùng những sách chính sử của Nhà nước hay lời ký thuật của người riêng, cho đến cả câu ca dao, truyện truyền kỳ, hoặc tờ tranh, bức ảnh " (50).

Nguyễn Văn Tố đặc biệt lưu tâm đến vấn đề phê phán nguồn. Ông phân biệt giữa nghiên cứu lịch sử với giới thiệu các loại sử liệu. Qua trao đổi về cuốn sách của Sở cuồng Lê Dư, toát lên các vấn đề về niên đại sử liệu, tác giả sử liệu, đặc trưng loại hình là những yếu tố nhà sử học cần cân nhắc: "cụ muốn vin vào sách Nho của ta, nhưng không biết chép từ đời nào, thành ra không đủ tin nhưng cụ không nói cho độc giả biết rằng quyển *Lĩnh nam chích quái* là quyển chuyện hoang đường, kỳ quái, không có thể viện vào đấy mà tin có thực không thể dùng làm sử liệu được, vì toàn là chữ trong mấy quyển thần tích... những chuyện ở quyển sử trước của ta chưa có, thì ta phải theo của Tàu... duy có một điều phải cẩn thận, là dùng sách Tàu cho có phương pháp,... Đã quen gọi là Hùng vương thì cứ gọi không sao. Nhưng đã làm sử thì phải tìm cho đến chỗ thật đúng" (51). Dù xem truyền ngôn là một loại sử liệu, nhưng coi các câu chuyện truyền miệng là lịch sử thì không thể chấp nhận được: "Theo lối chép sử của ta với của Tàu, thì đoạn này là ngoại truyện, không phải là chính sử, vì phần nhiều chép chuyện thần tiên, chuyện tục truyền, không có bằng cớ nào cả" (52), "Chuyện này cũng là một

chuyện của các nhà làm dã sử tự đặt ra cho vui câu chuyện, chứ không nên tin là có thực" (53), "tự nay giở đi, sử ta chớ nên chép lời thề ấy nữa, vì không hay gì mà lại không chứng cứ vào đâu cả Dù thế nào chăng nữa, nếu không có bằng cứ đích đáng thì không nên chép nữa" (54). Nguyễn Văn Tố cũng rất chú ý đến loại hình sử liệu trong khâu giám định và lựa chọn sử liệu, chẳng hạn "*Hoàng lê nhất thống chí* thiên về lối tiểu thuyết và do một ông trong Ngô gia văn phái chép. Chắc thế nào cũng có chỗ thiên vị, cho nên tôi chỉ theo chính sử" (55).

Vấn đề sưu tầm đầy đủ các bản văn hoặc phiên bản truyền khẩu, đem so sánh thế hệ các bản sao (hay vấn đề bản gốc, bản sao) nhiều lần được nhấn mạnh: "trước khi đem một bài văn cổ ra dịch, cần phải sưu tập hết các bản in, bản sao, như những bản mà Chính phủ đã thu thập cho thư viện trường Bác cổ, thư viện Bảo Đại ở Huế Bao giờ xét ra tạm đủ, mới đem đối chiếu với nhau, xem bản nào đủ, bản nào đúng, theo đấy mà dịch, rồi chép những câu khác nhau thế nào và biên rõ lấy ở bản nào ra, diễn giải cho phân minh, để người xem có đủ tài liệu mà phán đoán" (56); "Phải chép đủ các câu hát cũ thì mới mong khảo sát đến nơi, hiện nay ở nhiều vùng thôn quê còn nhiều câu hát chưa ai chép, và có nhiều câu vì tam sao thất bản, nên cần phải so sánh thì mới tìm ra ý nghĩa và nguyên ủy" (57).

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ là một công trình văn bản học, thể hiện quan điểm của tác giả về tính nguyên thủy của sử liệu. Trước thực tế mà ông ghi nhận, rằng chưa thấy có quyển quốc văn hợp tuyển nào biên rõ những bài văn cổ trích ở đâu ra, ông cho rằng, dù "trước đến giờ những quyển văn tuyển chỉ dùng làm sách giáo khoa, chứ không phải là loại sách khảo cứu", nhưng "cũng cần phải biết những bài văn cũ xuất xứ ở bản Nôm nào, và đem ra so sánh kiểm điểm, thì may mới giữ được nguyên văn" (58). Ông ghi chú sự dị biệt giữa các văn bản, thể hiện tính nghiêm cẩn của nhà sử học có phương pháp. Ông không đặt vấn đề phê bình mà "đợi sau này có ai sưu tập được bản Nôm nào khác, sẽ đem ra giải thích và xem xét nội dung, thì may mới khôi phục được nguyên văn theo như phương pháp nhà sử học" (59). Với ông, "đã đi tìm nguyên văn thì không có bản nào là bản vô ích, bản nào cũng phải sưu tầm, thì mới đủ tài liệu mà chất chính" (60).

Vì trọng sử liệu, Nguyễn Văn Tố chú trọng đến thao tác dẫn nguồn: "Làm sử tất phải kê cứu. Kê cứu tất phải tìm sách. Tìm được sách đích đáng, tất phải dẫn cho rõ ràng, để có ai ngờ điều gì xét lại được ngay. Thế là khoa học" (61). Ông nhận thấy thực trạng, có nhiều sách khảo cứu bằng chữ Quốc ngữ, nhưng không để ý đến phép trưng dẫn, mà "phép này chỉ là bề ngoài của sách khảo cứu", nhưng "rất cần phải có, để cho người khảo cứu về sau dễ kiểm tra. Mong học giả trong nước sớm nhất trí theo lề lối của nhà trường lớn bên Pháp, cũng là một việc làm không phải vô ích" (62). Trong một số bài phê bình (điểm sách), ông đã phê phán rất nặng việc không dẫn nguồn, "bắt chước sách tây, mà "quên" không dẫn" (sách của Lương Đức Thiệp) (63); thậm chí xem đó "chưa có thể gọi là sách "khảo cứu" được, vì ông không dẫn chứng mà cũng không bàn đến những thuyết của các nhà làm sách về tiếng nước ta (L.Cadière, Henri Maspero, J.Przyluski, v.v...)" (*Khảo cứu về tiếng Việt Nam* của Trà ngân Lê Ngọc Vượng) (64). Chính điểm này khiến nhiều cây bút đương thời cho ông nặng về sách vở, bị *Văn mới* phê phán:

"thói lấy tờ a tờ b của những sách trong Thư viện Bác cổ ra làm tiêu chuẩn để bẻ một câu này, bác một ý nọ của người khác viết". Ông cũng tranh luận kịch liệt, bảo vệ, rằng đó chính là "thói khoa học", và "việc dẫn sách là việc làm rất cần, không những là đúng phép làm sử, lại còn tránh được việc mượn không xin phép" chứ không phải là "nô lệ sách vở", và nếu không làm thế là "chưa biết cách làm sử, và lại mang tiếng là chép văn của người" (65).

Nguyễn Văn Tố viết rất nhiều, công bố tập trung nhất là trên *Tạp chí Tri Tân* - "tạp chí chuyên môn về sử học duy nhất của nước ta trong thời Pháp thuộc" (66). Ông viết đều đặn trên *Tri Tân* với 482 lượt bài, bình quân 2,27 bài/1 số báo, đồng thời có tổng số lượt báo đăng tải bài viết cao nhất trong số các cây bút chủ lực của tạp chí này. Các tác phẩm có chất sử của ông gồm khảo cứu, giới thiệu, công bố tư liệu, bàn về các vấn đề sử học khác, và ở phương diện nào ông cũng có những đóng góp nhất định. Tất cả các thời kỳ lịch sử, các vấn đề của lịch sử dân tộc đều được ông bàn tới (67). Tuy nhiên, cho đến khi mất vào tháng 10 năm 1947, Nguyễn Văn Tố không có bất kỳ công trình sử học nào dưới dạng sách. Cuốn sách *Đại Nam dật sử: Sử ta so với sử Tàu* vẫn được biết đến rộng rãi ngày nay thực chất được tập hợp gần đây trên cơ sở một loạt bài viết của ông trên hai tờ tạp chí *Tri Tân* và *Thanh Nghị* và đều đang còn viết dở (68). Nguyễn Văn Trung đã nhận xét rất đúng khi viết: "Chúng tôi theo gương các bậc đàn anh như Nguyễn Văn Tố (miền Bắc), Lê Thọ Xuân (miền Nam), là những vị không ai phủ nhận đó là những người am hiểu nghiêm chỉnh sử, văn hóa nước nhà, đã viết rất nhiều bài biên khảo nhưng hình như rất ít để lại những sách, tác phẩm tổng hợp, vì các vị đó hiểu muốn thiết lập một bộ văn học sử, bộ lịch sử Việt Nam nghiêm chỉnh, tương đối đầy đủ bước đầu là thu lượm xác minh từng mảnh vụn (một cuốn sách, một tác giả, một chi tiết của cuốn sách, tác giả) ghép những mảnh vụn đó thành mảnh, nhiều mảnh thành mảng, nhiều mảng mới ghép thành bộ (như bộ chén bát)" (69). Nguyễn Văn Tố đã bắt tay vào "khảo cứu từng thời kỳ một, từng triều đại một" trước khi có đủ tài liệu để viết sử tổng hợp (mặc dù những công bố của ông được đánh giá là "có khả năng hội tụ lại thành dạng công trình sử học tổng hợp") (70) như chủ trương của bộ tùng thư sử học từng dự kiến (71); đồng thời ra sức tìm kiếm, giới thiệu các nguồn tài liệu lịch sử và truyền bá tư tưởng sử học thực chứng, góp tay xây dựng cơ sở cho một nền sử học khoa học bằng chính các công trình ở lĩnh vực sử học của mình.

Xuất phát từ quan niệm về vai trò của sử liệu, ngoại diên/phạm vi của sử liệu rộng, dẫn đến một đóng góp quan trọng - có thể xem là nhiệm vụ đầu tiên, hàng đầu của Nguyễn Văn Tố là dịch giới thiệu các sử liệu Hán Nôm chưa từng được dịch ra chữ Quốc ngữ, đính chính những tài liệu sai, bổ khuyết những điểm chưa đúng của sử sách Việt (của ta), giới thiệu sử liệu của Trung Hoa.

Việc giới thiệu tài liệu ở đây chủ yếu là chữ Hán (chưa từng được dịch sang Quốc ngữ), vốn ít người biết nhằm phổ biến tới rộng rãi người Việt, cung cấp sử liệu cho nhà nghiên cứu, làm cơ sở cho những mô tả, đánh giá sự kiện sử học, phê bình các công trình sử học, bảo tồn di sản văn hóa dân tộc Mục đích này được ông đề cập trong hầu như mọi công trình giới thiệu (dịch) tài liệu. Cũng có thể nói rằng, ông luôn tận dụng mọi cơ hội để giới thiệu sử liệu (72).

Nguyễn Văn Tố chủ yếu dựa vào tài liệu của Viện Viễn Đông Bác cổ, có công lớn trong giới thiệu kho sách Viện Viễn Đông Bác cổ tới rộng rãi độc giả, mà trường hợp "góp thêm những vị danh nhân sau này: phần nhiều chép theo sách viết bằng chữ Nho của Trường Bác cổ, là sách mà ông Bùi Văn Lăng không kê cứu được, vì ông làm việc tận Quy Nhơn" (73) là một ví dụ. Ông lấy đó làm bản chính để so sánh đối chiếu và nhiều lần chỉ ra những thiếu khuyết của bản này: "Bản Nôm của Bác cổ chép sai hoặc chép thiếu nhiều lắm; chúng tôi phải bổ khuyết bằng những bản sao của mấy chỗ quen thuộc hoặc bằng những bản riêng của chúng tôi" (74), song dù "sách Bác cổ viết thiếu hay viết sai, chúng tôi phải theo bản riêng, nhưng bao giờ cũng dựa vào sách Bác cổ để cho ai nấy có chữ gì nghi ngờ có thể đến mà xem xét lại" (75). Thư viện Hán Nôm của Trường Viễn Đông Bác cổ được xây dựng và mở rộng là kết quả của "công trình tập thể và liên tiếp của Pelliot, Henri Maspéro, Paul Demiéville, Lesonard Aurousseau, Emile Gaspardone, với sự cộng tác của các nhà văn học Việt Nam, nhất là Trần Văn Giáp và Nguyễn Văn Tố" (76).

Vì là mục đích giới thiệu, nên ông không làm nhiệm vụ chọn lọc sử liệu: "Nội những bài thơ nói về Bà Trưng, có lẽ không bài nào dài bằng bài này; dài mà thôi, chứ không xuất sắc gì: lắm câu lại xuất vận! Tuy vậy, cũng nên in ra Quốc ngữ để giữ lấy một ít tài liệu về cổ ngữ và sử học" (77). Theo ông, "chép thơ cổ có hai lối: một là chỉ chép những bài thật hay để làm khuôn mẫu, hai là chép tất cả những bài còn lại, bất cứ là hay hay dở, đều chép hết, vì đối với nhà làm sử hay nhà khoa học, việc gì cũng vậy, phải qua một thời kỳ thành lập, rồi mới đến thời kỳ tinh sảo..." (78). Cũng vì thế, trong khi phê phán nguồn (dưới góc độ nghiên cứu sử học), ông không tin vào những tài liệu hoang đường, nhưng dưới góc độ giới thiệu tư liệu ông vẫn dẫn ra: "sự tích mười hai sứ quân thỉnh thoảng có chỗ hoang đản không đáng tin, nhưng vì xưa nay chưa ai chép chuyện "thập nhị sứ quân" ra Quốc ngữ, nên chép ra đây để khảo dẫn" (79).

Việc dịch các văn tịch Hán Nôm (chữ Nho), nhìn ở một góc độ là nhằm mở mang dân trí cho đông đảo nhân dân, như sau này vào năm 1945 chính ông đã giải thích tôn chỉ của Hội truyền bá chữ quốc ngữ (80). Đây là một nhiệm vụ lớn, đòi hỏi sự chung tay góp sức của nhiều người, cũng chính là lý do Đào Duy Anh tổ chức ra Tùng thư sử học đã nhắc tới ở trên. Theo quan sát của Huỳnh Khắc Dụng năm 1959 thì sưu tầm tài liệu vẫn là một nhiệm vụ cấp thiết vì "chưa có một tác phẩm nào nói về sử liệu Việt Nam một cách tổng hợp " (81).

Trong khi giới thiệu các loại nguồn sử liệu cho nghiên cứu lịch sử Việt Nam, Nguyễn Văn Tố rất ý thức về giá trị sử liệu là thư tịch của Trung Hoa: "Xét chuyện "nhà Trần với nhà Nguyên", có nhiều việc sử ta chưa từng chép đến, chỉ thấy chép trong sử Tàu mà thôi, cho nên cần phải sưu tập, thì mới có đủ tài liệu mà phê phán"; "sử Nguyên chép chiến công của Hưng Đạo như thế, xét ra không lấy gì làm rõ ràng cho lắm. Song cũng nên đem ra so sánh với sử ta. Vả lại sử Tàu còn chép những tên người, tên đất, tờ tấu, tờ điệp mà sử ta chưa hề chép bao giờ" (82); hay "ba sách *Cương mục, Thăng Long hoài cổ* và *Đông Hoa toàn lục*, hai quyển trên là sách ta, quyển dưới là sách Tàu, trong chép những tờ sắc, tờ chiếu của vua Kiền Long (1736-1795) về việc quân Tàu sang xâm chiếm nước Nam có một vài đoạn có thể dùng để bổ khuyết hay để cải chính quyển *Cương*

mục, nhưng từ xưa đến nay chưa hề thấy một nhà làm sử nào chép tới" (83), đương nhiên với lưu tâm phê phán độ tin cậy của tác giả sử liệu: "trong khi dịch [*Văn hiến thông khảo* của Mã Đoan Lâm], đoạn nào khác với sử ta, tôi chua rõ để độc giả so sánh, duy có giọng về trên của sử Tàu thì cứ để nguyên, không phải chua, tưởng độc giả cũng dư biết" (84).

Mặc dù vậy, đôi khi tác giả làm nhiều hơn những gì đã tuyên bố về giới thiệu tài liệu. *Tài liệu đính chính những bài văn cổ*: " cốt để sưu tập những bài văn cổ. Cho nên, trừ câu đầu, giảng nghĩa để cho ai nấy biết thơ ngày xưa tóm tắt biết bao, còn thì không giải thích một câu nào hay một chữ nào cả", và "đây mới là "tài liệu" mà cũng chưa đủ, vì mới so sánh mấy quyển Nôm và quyển Quốc ngữ thường dùng: nếu muốn in thành sách thì phải lấy tất cả các bản Nôm và Quốc ngữ ra mà khảo lại... việc in thành sách cho có quy củ hiện nay tôi không thể nào làm được chu đáo, để sau này có thong thả mới đảm đương việc ấy" (85), song ông không kìm được việc những đoán định về mặt niên đại, tác giả (tức phê phán bên ngoài): "Những bài thơ của Trịnh Căn bản Nôm của Trường Bác cổ viết theo lối chữ đời Lê mạt, đọc rất khó: chúng tôi đã hỏi các nhà Nho, nhưng làm thế nào cũng còn một vài chữ ngờ, nay chép tạm ra đây làm tài liệu cho quốc văn" (86); "có thể nói rằng bài *Thập nhị quỳnh ca* là bài của Trịnh Căn, vì quyển *Thiên hòa doanh bách vịnh* của Trường Bác cổ có vẻ cũ lắm: giấy thì vàng, chữ thì cổ, viết theo lối đời Lê mạt. Còn về đường nội dung, phải đợi khi nào sưu tập được nhiều thơ nhà Lê, mới có thể phán đoán được. Nay chỉ chua qua những câu khác nhau..." (87). Chính ông gián tiếp khẳng định "không làm như mục *Tài liệu đính chính những văn cổ,* nên không so sánh bản nọ bản kia, cốt rõ nghĩa những đoạn xưa nay chưa ai giảng đến, hoặc có chỗ xưa nay không dám nói đến" (88).

Mục đích, nội dung của chuyên mục *Những ông nghè triều Lê* là giới thiệu sưu tập 82 bia Văn Miếu (89), song Nguyễn Văn Tố không chỉ dịch, giới thiệu tư liệu mà đã bước đầu tiến hành khảo cứu: bổ sung nguyên quán và sự nghiệp của các ông Nghè khoa Nhâm Tuất (1442) và Mậu Thìn (1448) bên cạnh thông tin tên và phủ huyện có trong văn bia; giới thiệu quan chấm trường khoa 1442 bằng cách tra các sách *Đăng khoa lục, Lê triều lịch khoa Tiến sĩ đề danh bi ký, Lịch triều hiến chương loại chí, Đại Nam nhất thống chí* (đời Tự Đức)... (90); mở rộng khảo về người đỗ những khóa thi trước khi có lệ đặt bia (91); kê khảo tên người đỗ Tiến sĩ các khoa không lập bia (1449 (92), 1505, 1508) dựa trên *Đăng khoa lục* và *Đăng khoa bị khảo* (93).

Một trong những cách thức để truyền bá phương pháp làm sử hiện đại, thúc đẩy nền sử học là trao đổi, thảo luận sử học. Nguyễn Văn Tố nhiều lần nêu quan điểm về vấn đề phê bình trong học thuật: "Hồi cuối năm 1920 tôi có nói rằng: "Sự bình phẩm ách, người nước ta không ưa. Phần nhiều đồng bào ta không hiểu cái chức vụ của nhà bình phẩm và thường lẫn lối "cảm giác phê bình" với lối khoa học phê bình" mỗi người vừa là nhà làm sách, vừa là nhà bình phẩm, và sự bình phẩm như thế tức là một cách giúp cho đường học vấn mỗi ngày một tấn tới" (94). Chức nghiệp của người cầm bút làm sách viết báo "hễ thấy người ta lầm lỗi, mà mình bảo để cho người ta sửa lại thì mình giúp ích cho người ta, mà lời nói của mình rất có "giá trị". Huống chi việc nhà phê bình là phải nói rõ những điều sai điều lầm để cho người làm sách chữa lại, và để cho người đọc sách khỏi

nhầm lây" (95). Tinh thần phê phán này chính là một biểu hiện của tinh thần thực chứng mà Nguyễn Văn Tố đã tiếp thu từ khoa học phương Tây.

Bản thân Nguyễn Văn Tố đã tham gia một cách tích cực vào giới thiệu, phê bình sách với sự thẳng thắn trao đổi ý kiến về chủ đề lịch sử và việc viết sử, thậm chí đến mức "nảy lửa". Mảng "điểm sách" có thể nói đã thể hiện rất rõ nét quan điểm của Nguyễn Văn Tố về sử học, phương pháp làm sử, bởi ông dùng tư tưởng thực chứng để đánh giá, phê bình các công trình nghiên cứu sử học lúc bấy giờ. Chiếu theo phương pháp văn bản học, sử liệu học, ông cho rằng *Văn học đời Lý* của Ngô Tất Tố vì không theo cái phương pháp ấy nên nhiều chỗ chép thiếu và dịch sai (96); bài *Lý Ông Trọng* của Nguyễn Lữ Anh trên báo *Thanh niên* "chưa có một chút tư cách gì để mà chép sử, vì tính hay nói sai sự thực: không mà nói có!" (97). Cũng cần nhấn mạnh rằng, lưu tâm đến sự đa dạng của các nguồn tài liệu lịch sử, đặc biệt là các nguồn truyền miệng, nhưng Nguyễn Văn Tố chưa từng lơ là khâu phê phán sử liệu. Ông phân biệt và đòi hỏi có sự rạch ròi giữa khoa học lịch sử với tiểu thuyết, dật sử. Những chuyện hoang đường "người ta thường gọi là "dật sử", hoặc "truyền kỳ" không ai chép làm sử học, vì sử học ngày nay đã có phương pháp nhất định. Cái phương pháp ấy có thể tóm tắt như sau này: lọc tài liệu cho kỹ càng, phê phán, giải thích cho phân minh, dẫn chứng cho rõ ràng, không nên dùng những câu: "tương truyền rằng", "có sách chép rằng". Vì lẽ đó, ông cho rằng sách của Phan Trần Chúc không phải là sách sử (98).

Nghiêm túc và đòi hỏi cao đối với việc làm sử, nhưng trong một kế hoạch tiến đến sử học mới thật sự khoa học, ông (cũng như những người đồng chí hướng) chấp nhận các mức độ khác nhau của công trình nghiên cứu sử học, đồng thời yêu cầu phải có sự phân biệt rất rõ giữa các hình thức vì mỗi loại hình có những yêu cầu khác nhau. Giới thiệu nhằm phổ biến tri thức lịch sử là đáng quý, "nếu không tra được sách Nho, thì lấy sách Tây ra mà rút lại cho thật đúng, đừng bàn luận gì ra ngoài có phải là có ích không?" (99), hoặc nếu "lấy sách chữ Nho ra mà lược dịch, đừng thêm thắt điều gì, thì quyển sử của ông sẽ hoàn toàn là quyển giáo khoa, không những đem dạy học trò mà thôi, lại còn dạy cả cho các hạng người nữa" (100). Bản thân ông cũng có lưu tâm đến việc giới thiệu các tài liệu sử học từ phương Tây "nay tôi lại lấy sách Tây, như sách Goerge Moutandon , sách J. Deniker , dịch những đoạn chép về văn hóa các nước và các dân tộc khác, nhưng chỉ chép về vật chất, như chỗ ở, cách ăn mặc, đồ võ bị, chứ không chép về sự tiến bộ trong pháp luật, học thuật điển chương" (101), nhưng không đáng kể so với các tài liệu chữ Hán Nôm như đã trình bày ở trên. Bên cạnh đó, Nguyễn Văn Tố cũng tóm lược hoặc dịch bài diễn thuyết của bản thân từ tiếng Pháp sang chữ Quốc ngữ, công bố các bài *Đồ thờ của ta* (I), *Khí giới thờ ở các đền chùa và nghi vệ đời xưa, Vết tích thành Đại La*, *Lịch sử vùng Hồ Tây* hướng đến độc giả rộng rãi hơn (102).

Như vậy, nhà sử học Nguyễn Văn Tố là người chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi trào lưu sử học thực chứng thịnh hành lúc bấy giờ. Ông quan niệm làm sử là phải dựa trên sử liệu. Các nguồn sử liệu phải được tìm kiếm, tập hợp lại, giải mã và giám định cẩn trọng trước khi sử dụng để nghiên cứu lịch sử. Trong tình hình cụ thể của Việt Nam lúc đó, ông thể hiện thái độ tôn trọng, kế thừa cái hay, cái đẹp của sử học phong kiến và tiếp thu tích cực các thành tựu khoa

học phương tây, ra sức giới thiệu các nguồn tài liệu cùng với đặc trưng của chúng, đồng thời tham gia vào thảo luận, trao đổi về cách thức làm sử tới đông đảo độc giả. Dù không có bài viết thuần túy về phương pháp luận, nhưng hầu như tất cả các công bố trên *Tri Tân* của Nguyễn Văn Tố, dù ở thể loại, đề tài nào cũng đều ít nhiều lồng ghép trong đó quan niệm về sử. Có thể nói quan điểm sử học của ông toát lên trong từng tác phẩm ông viết, và từ chính sự tồn tại của các công trình đó, xét dưới góc nhìn tổng thể.

*

Hoạt động sử học đa dạng, sự phong phú về chủ đề, khung niên đại, quy mô, dung lượng, mục đích, đối tượng độc giả, hình thức truyền đạt và kênh chuyển tải các công bố sử học, "nặng" về tài liệu của Nguyễn Văn Tố thể hiện trên Tạp chí *Tri Tân* nhất quán với quan điểm của ông về "làm sử", chịu tác động mạnh mẽ của bối cảnh học thuật lúc bấy giờ, đồng thời cũng là một mẫu hình đặc trưng của giới trí thức, và sử gia thời kỳ đó nói riêng. Có đặt các tác phẩm sử học của ông trong kế hoạch dài hạn đã được vạch ra rõ ràng cho sử học, soi tỏ bởi tư tưởng sử học thực chứng mà ông đeo đuổi mới có thể hiểu hết được giá trị của chúng với sự phát triển của sử học Việt Nam.

Trong con người sử học Nguyễn Văn Tố, đóng góp dưới góc độ lý luận sử học là đáng kể. *Muốn hiểu sử học* của Đào Duy Anh ra đời năm 1953 được coi là "công trình lý luận sử học đầu tiên ở Việt Nam được viết theo tư tưởng biện chứng" vì "lần đầu tiên giới thiệu một mô hình nghiên cứu lịch sử. Theo mô hình này, hoạt động nghiên cứu lịch sử là quy trình thực hiện các kỹ năng để lấy thông tin lịch sử từ các nguồn sử liệu (103). Với những gì ông đã viết và công bố trên *Tri Tân tạp chí* hồi thập niên thứ 4 của thế kỷ XX, Nguyễn Văn Tố thực sự đã là một nhà lý luận tiên phong trong lĩnh vực lý luận sử học ở Việt Nam thời cận đại.

Trong sự đa dạng của tư tưởng sử học ở Việt Nam lúc bấy giờ, tư tưởng sử học thực chứng và nỗ lực xây dựng nền sử học mới đã được nhiều trí thức góp tay bằng tuyên ngôn, chương trình và hành động cụ thể. Trong số họ, có những người đã trở thành trụ cột, xây nền đắp móng cho nền sử học cách mạng Việt Nam sau này. Tinh thần thực chứng, khoa học về nguồn (sử liệu học) đã có những vai trò và vị trí khác trước trong đời sống sử học hiện đại, nhưng không thể phủ nhận dấu ấn của lớp trí thức Tây học đầu thế kỷ XX, trong đó có nhà sử học Nguyễn Văn Tố.

CHÚ THÍCH

(1). Ý kiến của Paul Mus, người đã hai lần làm Quyền Giám đốc EFEO. Dẫn theo Ngô Thế Long, "Học giả ứng Hòe Nguyễn Văn Tố", http://www.vjol.info/index.php/ssir/article/download/27107/23112.

(2). Nhà xuất bản Sự thật trong *Lời mở đầu* cuốn *Chặt xiềng* (1946) giới thiệu Nguyễn Văn Tố là "nhà khảo cổ kiêm sử học" [Xem *Chặt xiềng: Những tài liệu lịch sử từ chính biến tháng ba đến Cách mạng Tháng Tám 1945*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1946, tr.6]. Phan Huy Lê thì xem ông là nhà thư tịch học, nhà sử học [Xem Phan Huy Lê, "Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố-một chí sĩ yêu nước, một liệt sĩ anh hùng, một học giả uyên bác trên nhiều lĩnh vực", *Tạp chí Xưa & Nay,* số 333, 2009, tháng 6]. Tạ Trọng Hiệp gọi ông là nhà nghiên cứu văn học Việt Nam [Xem Tạ Trọng Hiệp, "Nhìn lại quá khứ, hướng về tương lai", trong *90 năm nghiên cứu về văn hóa và lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995, tr.108). Đặng Nghiêm Vạn xem

ông là một trong số những nhà dân tộc học Việt Nam thuộc thế hệ đầu tiên bên cạnh Nguyễn Văn Huyên, Trần Văn Giáp, Nghiêm Thẩm [Xem Đặng Nghiêm Vạn (1995), "Vấn đề nghiên cứu các dân tộc ít người miền núi Việt Nam trong thời gian qua và hiện nay", trong *90 năm nghiên cứu về văn hóa và lịch sử Việt Nam*, sđd, tr.246).

(3). Ngô Thế Long, "Học giả Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố", tlđd.

(4). Nguyễn Văn Trung, *Hồ sơ về lục châu học, Tìm hiểu con người ở vùng đất mới. Dựa vào tài liệu văn, sử bằng Quốc ngữ ở miền Nam từ 1865-1930,* Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr.51.

(5). Đinh Xuân Lâm (CB), *Lịch sử Việt Nam*, tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2012, tr.151.

(6). Trần Kim Đỉnh, *Một số vấn đề lịch sử sử học Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015, tr.126.

(7). Không rõ xuất phát từ đâu mà Hoa Bằng lại ghi rằng tác phẩm này của Trương Vĩnh Ký viết bằng chữ Quốc ngữ ("quốc văn"). Xem Hoa Bằng, "Để đi đến một bộ Việt sử hoàn toàn bây giờ cần phải chia nhau khảo cứu từng thời đại một", Tạp chí *Tri Tân*, số 151, 1944, tr.2, 21.

(8). Trần Kim Đỉnh, *Một số vấn đề lịch sử sử học Việt Nam*, sđd, tr.133.

(9). Nguyễn Văn Trung, *Hồ sơ về lục châu học, Tìm hiểu con người ở vùng đất mới. Dựa vào tài liệu văn, sử bằng quốc ngữ ở miền Nam từ 1865-1930,* sđd, tr.8.

(10). Đào Đăng Vỹ, *Lịch trình tiến hóa của văn học và tư tưởng Việt Nam hiện đại (1865-1946).* [Dẫn theo Nguyễn Văn Trung, *Hồ sơ về lục châu học, Tìm hiểu con người ở vùng đất mới. Dựa vào tài liệu văn, sử bằng Quốc ngữ ở miền Nam từ 1865-1930,* sđd, tr.22.

(11). Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên - Văn học hiện đại 1862-1945,* Nhà in Anh Phương, Sài Gòn, 1965, tr.289. [Dẫn theo Trần Kim Đỉnh, *Một số vấn đề lịch sử sử học Việt Nam*, sđd, tr.135.

(12). Trần Kim Đỉnh, *Một số vấn đề lịch sử sử học Việt Nam,* sđd, tr.126, 128, 155.

(13). Xem: Lê Thanh, "Nhìn qua văn học Việt Nam năm 1941", Tạp chí *Tri Tân*, số 35, 1942, tr.12-13; Lê Thanh, "Nhìn qua văn học Việt Nam năm 1942", Tạp chí *Tri Tân*, số 81. 82, 1943, tr.18-19.

(14). Hoa Bằng, "Quan niệm về sử học và phép chép sử của ta xưa", tlđd, tr.2-4.

(15). Hoa Bằng, "Quan niệm về sử học và phép chép sử của ta xưa", Tạp chí *Tri Tân*, số 68, 1942, tr.2-4.

(16). Nguyễn Xuân Uẩn, "Những bản sử cũ của nước ta", Tạp chí *Tri Tân*, số 207, 1945, tr.6, 16-17, 20.

(17). Hoa Bằng, "Nhìn qua sử giới Trung Hoa", Tạp chí *Tri Tân*, số 79, 1943, tr.2-3.

(18). Hoa Bằng, "Quốc sử ngày nay đã được các bạn thanh niên đặc biệt chú ý", Tạp chí *Tri Tân*, số 97, 1943, tr.2-3.

(19). Hoa Bằng, "Quan niệm về sử học và phép chép sử của ta xưa", Bđd, tr.2-4.

(20). Hoa Bằng, "Quan niệm về sử học và phép chép sử của ta xưa", Bđd, tr.2-4. Chú thích 1: Theo bản dịch của T.C trong Nam Phong, số 130, 6-1928.

(21). Hoa Bằng, "Để đi đến một bộ Việt sử hoàn toàn bây giờ cần phải chia nhau khảo cứu từng thời đại một", Tạp chí *Tri Tân,* số 151, 1944, tr.2, 21.

(22). *Hồi ký Vũ Đình Hòe*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2004, tr.322-323. [Dẫn theo Trần Kim Đỉnh (2005), *Một số vấn đề lịch sử sử học Việt Nam*, sđd, tr.145.

(23). Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm*, sđd, tr.64,66, 95-96.

(24). Hoàng Hồng, "Các khuynh hướng sử học trong thế kỷ XIX và XX", in trong: *Một chặng đường nghiên cứu lịch sử*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2011, tr.29-30.

(25). Hà Văn Tấn, "Về mối liên hệ giữa Văn bản học và Sử liệu học", in trong: *Một số vấn đề lý luận sử học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2007, tr.208.

(26). Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm*, sđd, tr.64, 66, 95-96.

(27). Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Sđd, tr.90-91-92-93.

(28). Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm,* Nxb. Trẻ, với sự hợp tác của ASIA-MéDIA, 1989, tr.92-93.

(29). Vũ Ngọc Phan,"Về sử học, muốn gần sự thật, cần phải theo một phương pháp", *Le Revue Franco-Annamite,* No 254, 16 Janvier 1939, tr.21-23.

(30). Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm,* sđd, tr. 90-91-92-93.

(31). Nhà sử học người Pháp (1844-1912), người được đào tạo tại Đức, chịu ảnh hưởng của trường phái sử học Khách quan của Leopold von Ranke qua Georg Waitz.

(32). Nhà sử học Đức (1856-1915), một đại diện của trường phái Lịch sử Văn hóa.

(33). Nhà sử học người Mỹ (1863-1939), cùng với Charles Austin Beard đã sáng lập ra trường phái Sử học mới.

(34). Nhà sử học Pháp (1842-1922).

(35). 1872-1926.

(36). Nguyễn Văn Tố, "Lạc vương với Hùng vương", Tạp chí *Tri Tân*, số 96, 1943, tr.4-5, 20-21.

(37). Nguyễn Văn Tố, "Sử thần đối với nhà Đinh thế nào?", Tạp chí *Tri Tân*, số 41-1942, ngày 7-4, tr.10-11.

(38). Nguyễn Văn Tố, "Lý Thường Kiệt", Tạp chí *Tri Tân*, số 140, ngày 27-4-1944, tr.6-7, 19-20.

(39). Nguyễn Văn Tố, "Cách chép sử của nhà nho", Tạp chí *Tri Tân*, số 48, 27/5-2/6/1942, tr.9.

(40). Nguyễn Văn Tố, "Có thật là sử học không?", Tạp chí *Tri Tân*, số 61, 26/8-1/9/1942, tr.3-5.

(41). Nguyễn Văn Tố, "Cách chép sử của Nhà nho", Tạp chí *Tri Tân*, số 48, ngày 27/5- 2/6/1942, tr.9.

(42). Nguyễn Văn Tố, "Phê bình quyển "Văn học thời Lý"", Tạp chí *Tri Tân*, số 60, 19-25/8/1942, tr.3-5.

(43). Nguyễn Văn Tố, "Lý Thường Kiệt", Tạp chí *Tri Tân*, số 140, ngày 27/4/1944, tr.6-7, 19-20.

(44). Nguyễn Văn Tố, "Một quyển sách nói về Bà Trưng", Tạp chí *Tri Tân*, số 157, ngày 7/9/1944, tr.10-11, 14-15.

(45). Nguyễn Văn Tố, "Một quyển cổ sử miền Á Đông", Tạp chí *Tri Tân*, số 146, ngày 15/6/1944, tr.16-17.

(46). Nguyễn Văn Tố, "Vết tích thành Đại La", Tạp chí *Tri Tân*, số 85, ngày 4-3-1943, tr.2-3, 15. Trong bài viết "Khảo về sử Tàu", khi giới thiệu kết quả khai quật ở An Dương (Hà Nam Trung Quốc), ông khẳng định ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu lịch sử Trung Hoa. [Xem Tạp chí *Tri Tân*, số 87, ngày 18/3, tr.4-5].

(47). Nguyễn Văn Tố, "Những tên thành Hà Nội từ xưa đến nay", Tạp chí *Tri Tân*, số 117, ngày 21-10-1943, tr.4-5, 16-17.

(48). Nguyễn Văn Tố, "Tôn giáo nước Nam (I)", Tạp chí *Tri Tân*, số 93, ngày 29-4-1943, tr.4-5.

(49). Nguyễn Văn Tố, "Lịch sử vùng Hồ Tây", Tạp chí *Tri Tân*, số 166, ngày 16-11-1944, tr.6-7, 18-21.

(50). *Chặt xiềng: Những tài liệu lịch sử từ chính biến tháng ba đến Cách mạng Tháng Tám 1945*, sđd, tr.6-7.

(51). Nguyễn Văn Tố, "Lạc vương với Hùng vương", Tạp chí *Tri Tân*, số 96, ngày 20-5-1943, tr.4-5, 20-21.

(52). Nguyễn Văn Tố, "Truyện vua Đinh Tiên Hoàng (bài nối)", Tạp chí *Tri Tân*, số 42, ngày 8-14/4/1942, tr.12-14.

(53). Nguyễn Văn Tố, "Đại Nam dật sự (XLVI)", Tạp chí *Tri Tân*, số 164, ngày 26-10-1944, tr.4-5.

(54). Nguyễn Văn Tố, "Cột đồng Mã Viện", Tạp chí *Tri Tân*, số 14, ngày 12-9-1941, tr.3-4.

(55). Nguyễn Văn Tố, "Những ông nghè triều Lê (LXIX)", Tạp chí *Tri Tân*, số 123-1943, tr.16, 20, Chú thích 2.

(56). Nguyễn Văn Tố, "Phê bình quyển "Văn học thời Lý"", Tạp chí *Tri Tân*, số 60, ngày 19-25/8/1942, tr.3-5.

(57). Nguyễn Văn Tố, "Sự tích Tết Trung thu", Tạp chí *Tri Tân*, số 160, ngày 28-9-1944, tr.10-11, 14-16.

(58). Nguyễn Văn Tố, "Tài liệu để đính chính những bài văn cổ", Tạp chí *Tri Tân*, số 19, ngày 17-10-1941, tr.3-4.

(59). Nguyễn Văn Tố, "Tài liệu để đính chính những bài văn cổ II", Tạp chí *Tri Tân*, số 20, ngày 26-10-1941, tr.3-4.

(60). Nguyễn Văn Tố, "Tài liệu để đính chính những bài văn cổ III", Tạp chí *Tri Tân*, số 21, ngày 31-10-1941, tr.3-4.

(61). Nguyễn Văn Tố (1944), "Một quyển sách nói về cụ Nguyễn Công Trứ", *Tạp chí Tri Tân*, số 151, ngày 20/7, tr.8-9, 17.

(62). Nguyễn Văn Tố, "Những ông nghè triều Lê (LXXVI)", Tạp chí *Tri Tân*, số 137, ngày 6-4-1944, tr.18-19.

(63). Nguyễn Văn Tố, "Một quyển sách nói về Bà (II)", Tạp chí *Tri Tân*, số 158, ngày 14-9-1944, tr.10-11.

(64). Nguyễn Văn Tố, "Khảo về tiếng ta", Tạp chí *Tri Tân*, số 125, ngày 30-12-1943, tr.4-5, 8-9.

(65). Nguyễn Văn Tố, "Tự vị thuốc tây", *Tạp chí Tri Tân*, số 163, ngày 19-10-1944, tr.4, 21.

(66). Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm,* Nxb. Trẻ, với sự hợp tác của ASIA-MéDIA, Thành phố Hồ Chí Minh, 1989, tr.92.

(67). Lê Thị Minh Hạnh, Tạp chí *Tri Tân và việc nghiên cứu lịch sử dân tộc trên Tri Tân*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Hà Nội, 2001, tr.29-30, 71.

(68). *Đại Nam dật sử* mới viết đến năm 1207, đời vua Lý Cao Tông; *Sử ta so với sử Tàu* dừng lại ở cuộc nổi dậy của Lã Hưng (263-264).

(69). Nguyễn Văn Trung, *Hồ sơ về lục châu học, Tìm hiểu con người ở vùng đất mới. Dựa vào tài liệu văn, sử bằng quốc ngữ ở miền Nam từ 1865-1930,* sđd, tr.8-9.

(70). Hà Văn Tấn cho rằng chính để góp phần vào các công trình phân tích đó mà Nguyễn Văn Tố đã viết *Sử ta so với sử Tàu*, còn *Đại Nam dật sử* không phải là "để độc giả mua vui trong lúc đọc truyện khô khan", mà thực chất là muốn viết một bộ sử tổng hợp. Xem *Lời giới thiệu* trong ứng Hòe Nguyễn Văn Tố, *Đại Nam dật sử, Sử ta so với sử Tàu*, sđd, tr.8-9.

(71). Mặc dù Tùng thư sử học bị ngừng, song từ các công bố của Nguyễn Văn Tố trên Tri Tân tạp chí, có thể thấy rằng ít nhiều nó đã được hiện thực hóa sau đó. Chẳng hạn, chủ đề Nguyễn Văn Tố nhận nghiên cứu là sự nghiệp của một số các "ông Nghè triều Lê" dựa vào gia phả và tài liệu lịch sử khác ở thư viện Viện Bác cổ" năm 1938 đã được ông công bố trên Tri Tân gồm 113 bài đăng tải trên 113 số (từ số 25 đến số 204) kéo dài từ tháng 11 năm 1941 đến tháng 9 năm 1944 (chuyên mục *Những ông nghè triều Lê*).

(72). Xem *Tài liệu để đính chính những bài văn cổ* (Tạp chí *Tri Tân*, số 19, ngày 17/10/1941, tr.3-4); *Thơ xuân đời Hồng Đức* (Tạp chí *Tri Tân*, số 126-127, năm 1944, tr.4-5, 8-9, 36); *Hạnh thục ca* (Tạp chí *Tri Tân*, số 192, ngày 21/6/1945, tr.4-6); Tạp chí *Tri Tân*, số 113, ngày 23/9/1943, tr.4-5, 8-9, 20; số 116, 1943, tr.4-5, 8-9; số 185-186, ngày 10/5/1945, tr.3-5, 8-9, 38-39; số 64, ngày 16-22/9/1942, tr.2-4; số 65, ngày 23-29/9, tr.2-4, 7; số 81, 82, ngày 28/1-4/2/1943, tr.14-15; số 81, 82, ngày 28/1-4/2/1943, tr.21; số 199, năm 1945, tr.3-5.

(73). Nguyễn Văn Tố, "Danh nhân Bình Định", Tạp chí *Tri Tân*, số 78, ngày 31-12-1942, tr.2-3, 9.

(74). Nguyễn Văn Tố, "Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (XV)", Tạp chí *Tri Tân*, số 35, ngày 18-2-1942, tr.10, 11.

(75). Nguyễn Văn Tố, "Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (XIII)", Tạp chí *Tri Tân*, số 32, ngày 21-1-1942, tr.5-6.

(76). Tạ Trọng Hiệp, "Nhìn lại quá khứ, hướng về tương lai", in trong *90 năm nghiên cứu về văn hóa và lịch sử Việt Nam*, sđd, tr.108

(77). Nguyễn Văn Tố, "Một bài thơ cổ về bà Trưng", Tạp chí *Tri Tân*, số 38, ngày 11-3-1942, tr.10-11.

(78). Nguyễn Văn Tố (1944), "Thơ vịnh sử đời Hồng Đức", *Tạp chí Tri Tân*, số 133, ngày 9/3, tr.6-7, 14-15, 18-19.

(79). Nguyễn Văn Tố, "Đại Nam dật sự (XLIII)", Tạp chí *Tri Tân*, số 159, ngày 21-9-1944, tr.20.

(80). Xem Nguyễn Văn Tố, "Truyền bá Quốc ngữ với chống nạn thất học", Tạp chí *Tri Tân*, số 193, ngày 28-6-1945, tr.4-5.

(81). Tuần lý Huỳnh Khắc Dụng biên soạn, Bửu Cầm hiệu chính, *Sử liệu Việt Nam*, tập 1, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Văn hóa Tùng thư, 1959, tr.9-10.

(82). Nguyễn Văn Tố, "Sử Tàu đối với Hưng Đạo Vương", Tạp chí *Tri Tân*, số 17, ngày 3-10-1941, tr.17-18.

(83). Nguyễn Văn Tố, "Năm Kỷ Dậu 1789. Trận Đống Đa", Tạp chí *Tri Tân*, số 34-1942, tr.18-19, 45, 46.

(84). Nguyễn Văn Tố, "Đại Nam dật sự (LXVII)", Tạp chí *Tri Tân*, số 198-1945, tr.7-9, 13.

(85). Nguyễn Văn Tố, "Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXXX)", Tạp chí *Tri Tân*, số 180-1945, tr.4-6.

(86). Nguyễn Văn Tố, "Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (XXV)", Tạp chí *Tri Tân*, số 47, ngày 20-26/5/1942, tr.7-8, Chú thích 2.

(87). Nguyễn Văn Tố, "Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (XXVI)", Tạp chí *Tri Tân*, số 48, ngày 27/5-2/6/1942, tr.18-19, chú thích 1.

(88). Nguyễn Văn Tố, "Chính khí ca", Tạp chí *Tri Tân*, số 189-1945, tr.5, 8, 13.

(89). Nguyễn Văn Tố, "Những ông nghè triều Lê I", Tạp chí *Tri Tân*, số 25, ngày 28-11-1941, tr.3-4, 23.

(90). Nguyễn Văn Tố, "Những ông nghè triều Lê (III)", Tạp chí *Tri Tân*, số 27, ngày 12-12-1941, tr.9.

(91). Nguyễn Văn Tố, "Những ông nghè triều Lê (VI)", Tạp chí *Tri Tân*, số 30, ngày 7-1-1942, tr.9.

(92). Chép nhầm thành 1453.

(93). Xem Nguyễn Văn Tố, "Những ông nghè triều Lê (XIV)", Tạp chí *Tri Tân*, số 40, ngày 31-3-1942, tr.8; Nguyễn Văn Tố, "Những ông nghè triều Lê (XCVIII)", Tạp chí *Tri Tân*, số 163, ngày 19-10-1944, tr.8-9.

(94). Nguyễn Văn Tố, "Phê bình văn học", *Tạp chí Tri Tân*, số 62, ngày 2-8/9/1942, tr.6-8, 18-20.

(95). Nguyễn Văn Tố, "Một quyển sách nói về cụ Nguyễn Công Trứ", Tạp chí *Tri Tân*, số 151, ngày 20-7-1944, tr.8-9, 17.

(96). Nguyễn Văn Tố, "Phê bình quyển Văn học thời Lý", Tạp chí *Tri Tân*, số 60, ngày 19-25/8/1942, tr.3-5.

(97). Nguyễn Văn Tố, "Đại Nam dật sử (XVIII)", Tạp chí *Tri Tân*, số 128, ngày 3/2/1944, tr.3-5, 12.

(98). Nguyễn Văn Tố, "Có thật là sử học không?", Tạp chí *Tri Tân*, số 61, ngày 26/8-1/9/1942, tr.3-5.

(99). Nguyễn Văn Tố, "Một quyển sách Xã hội Việt Nam", Tạp chí *Tri Tân*, số 150, ngày 13/7/1944, tr.2-3, 17.

(100). Nguyễn Văn Tố, "Những chuyện vẻ vang trong sử Đại Việt (I)", *Tạp chí Tri Tân*, số 183, ngày 19/4/1945, tr.4-5, 13.

(101). Nguyễn Văn Tố, "Văn hóa vật chất (I)", Tạp chí *Tri Tân*, số 106, ngày 5-8-1943, tr.9, 21.

(102). Xem Tạp chí *Tri Tân*, số 131, 24/2, 1944, tr.5-9, 23; số 179, 3/1945, tr.3-7, 18-19; số 85, ngày 4/3, 1943, tr, 2-3, 15; số 166, ngày 16/11/1944, tr.6-7, 18-21.

(103). Xem Hoàng Hồng, "Các luận điểm của giáo sư Đào Duy Anh về lịch sử và sử học", *Tạp chí Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, số tháng 4, 2005.